

CÔNG ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT

BẢN TIN PHÁP LUẬT SỐ 14-2025

I. TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT

Quy định của pháp luật về khai báo, điều tra tai nạn lao động khi nhà nước thực hiện chính quyền 2 cấp và sáp nhập các bộ, ngành.

Công ty TNHH May V (đặt tại huyện A, tỉnh B, nay thuộc xã A, tỉnh B) chuyên sản xuất hàng dệt may xuất khẩu, có khoảng 450 lao động. Ngày 29/7/2025, trong ca làm việc, anh H và chị D (công nhân tổ cắt) bị máy cắt vải cuốn vào tay, dẫn đến chấn thương nặng, phải cấp cứu tại bệnh viện tuyến tỉnh. Trước đây, với những tai nạn lao động nặng xảy ra, Công ty V báo cáo vụ việc với Sở Lao động Thương binh và Xã hội cấp tỉnh và cung cấp các thông tin liên quan đến vụ cho công an huyện (thành phần đoàn điều tra). Tuy nhiên, hiện nay, cả nước vận hành theo mô hình chính quyền hai cấp, cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và cấp xã/phường. Một số bộ sáp nhập vào khác và không còn tên gọi cũ. Vậy việc khai báo tai nạn lao động và cung cấp thông tin cho các chủ thể tham gia đoàn điều tra tai nạn lao động sẽ được thực hiện như thế nào?

Căn cứ pháp lý

- Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015;
- Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động;
- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ nội vụ.

Giải quyết tình huống

Khoản 1, Điều 34 Luật An toàn, vệ sinh lao động quy định việc khai báo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn vệ sinh lao động, theo đó:

- Khi xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc thì người bị tai nạn hoặc người biết sự việc phải báo ngay cho người phụ trách trực tiếp, người sử dụng lao động biết để kịp thời có biện pháp xử lý, khắc phục hậu quả xảy ra;

- Đối với các vụ tai nạn quy định tại điểm a khoản này làm chết người hoặc làm bị thương nặng từ hai người lao động trở lên thì người sử dụng lao động có trách nhiệm khai báo ngay với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh nơi

xảy ra tai nạn; trường hợp tai nạn làm chết người thì phải đồng thời báo ngay cho cơ quan Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện);

Điều a, khoản 1, Điều 10 Nghị định 39/2016/NĐ-CP quy định rõ hơn về thời gian khai báo, hình thức khai báo và chủ thể tiếp nhận khai báo tai nạn lao động quy định đối với các trường hợp xảy ra tai nạn lao động nặng, đó là khai báo bằng cách nhanh nhất (trực tiếp hoặc điện thoại, fax, công điện, thư điện tử) với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi xảy ra tai nạn; trường hợp tai nạn làm chết người đồng thời báo ngay cho cơ quan Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Công an cấp huyện);

Tuy nhiên, để phù hợp với việc áp dụng chính quyền 02 cấp nên nội dung này đã được sửa đổi bởi Điều 45 Nghị định 129/2025 có hiệu lực từ 01/7/2025, cụ thể “*Sở Nội vụ và cơ quan công an cấp xã có trách nhiệm nhận khai báo tai nạn lao động theo quy định tại điểm a khoản 1 ... Điều 10 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP*”

Như vậy, kể từ ngày 01/7/2025, chủ thể tiếp nhận khai báo tai nạn lao động nặng là Sở Nội vụ và công an cấp xã.

Về việc cung cấp thông tin cho đoàn điều tra tai nạn lao động, theo quy định tại Điều 15 Nghị định 39/2016, khi đoàn kiểm tra tai nạn lao động về doanh nghiệp để điều tra tai nạn lao động, người sử dụng lao động có trách nhiệm phối hợp với công an cấp huyện hoặc cấp tỉnh tiến hành Điều tra tại chỗ để lập biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm thương tích, thu thập dấu vết, chứng cứ, tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn. Nay nội dung này được sửa đổi bởi Điều 46 Nghị định 129/2025, đoàn điều tra tai nạn lao động cấp trung ương phối hợp với Công an cấp tỉnh tiến hành điều tra tai nạn lao động. **Do đó, khi có tai nạn lao động nặng xảy ra, người sử dụng lao động phải cung cấp thông tin liên quan cho công an cấp tỉnh**

NGUYỄN THỊ THANH HOÀN

II. TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT

Quy định về điều kiện hưởng chế độ hưu trí hằng tháng.

Chị H sinh ngày 18/02/1969, là công nhân may làm việc tại Công ty A từ 01/01/2012, chị bắt đầu đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc liên tục từ tháng 02/2012 đến nay. Ngày 01/7/2025, chị H nhận được văn bản của Công ty thông báo về việc chị sẽ nghỉ việc từ ngày 01/10/2025 do đã hết tuổi lao động nhưng chưa đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí hằng tháng theo quy định. Hỏi: thời điểm nghỉ hưu theo văn bản thông

báo của Công ty đối với chị H có đúng không? chị H cần làm gì để được hưởng chế độ hưu trí?

Căn cứ pháp lý

- Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 (Luật BHXH 2024).
- Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu.
- Nghị định số 159/2025/NĐ-CP ngày 25/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện.

Giải quyết tình huống

*** Tính hợp pháp của văn bản thông báo của Công ty A**

Khoản 1 Điều 64 Luật BHXH 2024, điều kiện hưởng lương hưu gồm: Đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật và đã đóng đủ từ 15 năm BHXH trở lên.

Khoản 2 Điều 4 Nghị định 135/2020/NĐ-CP quy định về lộ trình điều chỉnh tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường. Theo đó, tuổi nghỉ hưu của nữ giới vào năm 2025 là 56 tuổi 8 tháng.

Căn cứ vào các quy định trên, tính đến 18/10/2025 chị H tròn 56 tuổi 8 tháng và theo quy định thời điểm nghỉ hưu của chị H là tháng 11/2025 (*Phụ lục I Nghị định 135/2020/NĐ-CP quy định về lộ trình tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường gắn với tháng, năm sinh tương ứng*), tức chị H sẽ bắt đầu nghỉ từ 01/11/2025. Việc Công ty A cho chị H nghỉ từ 01/10/2025 là chưa đúng với quy định pháp luật. Mặt khác, chị H đóng bảo hiểm từ tháng 02/2012, đến ngày 01/11/2025 chị đóng được 13 năm 9 tháng; chị H còn thiếu ít nhất 15 tháng đóng bảo hiểm để đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí.

Như vậy, Công ty A cần điều chỉnh lại mốc thời gian trong văn bản thông báo về việc nghỉ hưu đối với chị H cho đúng quy định của pháp luật.

*** Chị H cần làm gì để được hưởng chế độ hưu trí**

Để được hưởng chế độ hưu trí, chị H cần đóng BHXH tự nguyện số tháng còn thiếu. Cụ thể, chị H đang thiếu 15 tháng đóng BHXH nên cần đóng bổ sung 15 tháng thiếu đó theo chế độ BHXH tự nguyện.

Theo Điều 7 Nghị định 159/2025/NĐ-CP quy định về mức đóng của phương thức đóng một lần cho thời gian đóng BHXH còn thiếu để đủ điều kiện hưởng lương hưu. Mức đóng BHXH tự nguyện hàng tháng bằng 22% mức thu nhập làm căn cứ đóng BHXH, áp dụng lãi gộp bằng lãi suất đầu tư quỹ BHXH bình quân tháng của năm trước liền kề. Ngoài ra, nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng BHXH tự

nguyện cho người tham gia, mức hỗ trợ sẽ khác nhau với từng đối tượng, thấp nhất là 20% số tiền đóng.

Trường hợp không muốn đóng BHXH tự nguyện, chị H có thể lựa chọn hưởng BHXH 1 lần. Căn cứ Khoản 3, Điều 70 Luật BHXH 2024, mức hưởng BHXH một lần của chị H là 1,5 tháng lương/năm (tương ứng với năm đóng bảo hiểm 2012-2013) và 2 tháng lương/năm (tương ứng với năm đóng bảo hiểm 2014-2025). Như vậy, khi lựa chọn hưởng BHXH một lần, chị H sẽ được hưởng số tiền bằng 27 tháng lương đóng BHXH. Tuy nhiên, đây không phải một phương án tối ưu vì sau khi hưởng BHXH 1 lần, người lao động sẽ không được hưởng các chính sách về hưu trí, tử tuất và bảo hiểm y tế của người nghỉ hưu./.

HOÀNG THỊ HẢI